

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 202/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....S.....
	Ngày:.....02/12.....

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý phân bón

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý phân bón.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón; quản lý chất lượng, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, đặt tên phân bón; trách nhiệm quản lý nhà nước về phân bón.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực phân bón tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phân bón là sản phẩm có chức năng cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng hoặc có tác dụng cải tạo đất.

2. Phân bón vô cơ là loại phân bón được sản xuất từ khoáng thiên nhiên hoặc từ hoá chất, trong thành phần có chứa một hoặc nhiều chất dinh dưỡng đa lượng, trung lượng, vi lượng, có các chỉ tiêu chất lượng đạt quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong đó:

a) Chất dinh dưỡng đa lượng là các chất bao gồm đạm tổng số (N_{ts}), lân hữu hiệu ($P_{2O_{5hh}}$), kali hữu hiệu (K_2O_{hh}) ở dạng cây trồng có thể dễ dàng hấp thu được;

b) Chất dinh dưỡng trung lượng là các chất bao gồm canxi (Ca), magie (Mg), lưu huỳnh (S), silic hữu hiệu (SiO_{2hh}) ở dạng cây trồng có thể dễ dàng hấp thu được;

c) Chất dinh dưỡng vi lượng là các chất bao gồm bo (B), coban (Co), đồng (Cu), sắt (Fe), mangan (Mn), molipđen (Mo), kẽm (Zn) ở dạng cây trồng có thể dễ dàng hấp thu được.

3. Phân bón hữu cơ là loại phân bón được sản xuất từ nguồn nguyên liệu hữu cơ, có các chỉ tiêu chất lượng đạt quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

4. Phân bón khác là hỗn hợp của phân hữu cơ và phân vô cơ hoặc các loại phân bón khác không thuộc loại phân bón quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phân bón

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phân bón.

2. Bộ Công thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phân bón.

Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện các nội dung về quản lý phân bón như sau:

a) Trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý phân bón, các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch và chính sách phát triển phân bón; xuất khẩu, nhập khẩu phân bón;

b) Ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về phân bón vô cơ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phân bón vô cơ;

c) Quản lý sản xuất, kinh doanh và chất lượng phân bón vô cơ;

d) Chỉ định, quản lý hoạt động các phòng kiểm nghiệm phân bón vô cơ;

đ) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ về phân bón vô cơ; thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về phân bón vô cơ; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phân bón vô cơ;

e) Đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về phân bón vô cơ;

g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và chất lượng phân bón vô cơ.

Trường hợp thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân vừa sản xuất phân bón vô cơ, vừa sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác, Bộ Công thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện các nội dung về quản lý phân bón như sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về phân bón hữu cơ và phân bón khác quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 3 Nghị định này; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phân bón hữu cơ và phân bón khác;

b) Quản lý sản xuất, kinh doanh, chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác;

c) Chỉ định, quản lý hoạt động các phòng kiểm nghiệm phân bón hữu cơ và phân bón khác;

d) Tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ đào tạo người lấy mẫu phân bón trong lĩnh vực phân bón;

đ) Thực hiện khuyến nông, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm và hướng dẫn việc sử dụng phân bón;

e) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về phân bón hữu cơ và phân bón khác; đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về phân bón hữu cơ và phân bón khác; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phân bón hữu cơ và phân bón khác;

g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về sử dụng phân bón; về sản xuất, kinh doanh, chất lượng phân bón hữu cơ và phân bón khác.

4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan

a) Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia về phân bón, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật về phân bón; phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật và quản lý chất lượng phân bón, công nhận phòng kiểm nghiệm, quản lý sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực phân bón;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách về sản xuất, kinh doanh phân bón; kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh phân bón;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, quản lý chất lượng và sử dụng phân bón.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Chỉ đạo hướng dẫn sử dụng phân bón có hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường;

b) Ban hành các chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón trên địa bàn;

c) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về chất lượng phân bón cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng;

d) Thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón thuộc địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh phân bón thuộc địa bàn quản lý.

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón

a) Đáp ứng các điều kiện về sản xuất phân bón quy định tại Điều 8 Nghị định này mới được cấp Giấy phép sản xuất phân bón và chỉ được sản xuất phân bón sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

b) Thực hiện đúng nội dung của Giấy phép sản xuất phân bón đã được cấp, các quy định về sản xuất phân bón tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy về phân bón theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

d) Ghi và lưu nhật ký quá trình sản xuất ít nhất là 02 (hai) năm; lưu hồ sơ kết quả kiểm nghiệm và lưu mẫu nguyên liệu, sản phẩm xuất xưởng; bảo quản các mẫu lưu 06 (sáu) tháng kể từ khi lấy mẫu;

đ) Thể hiện các thông tin về chất lượng trên nhãn phân bón, bao bì hoặc tài liệu kèm theo đúng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;

e) Thu hồi, xử lý phân bón không đảm bảo chất lượng và đền bù thiệt hại gây ra cho người bị hại theo quy định của pháp luật;

g) Báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về các hoạt động liên quan đến phân bón. Bộ trưởng Bộ Công thương quy định cụ thể mẫu báo cáo và thời gian cụ thể gửi báo cáo đối với phân bón vô cơ; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định cụ thể mẫu báo cáo và thời gian cụ thể gửi báo cáo đối với phân bón hữu cơ và phân bón khác.

Trường hợp tổ chức, cá nhân vừa sản xuất phân bón vô cơ, vừa sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác thì báo cáo được gửi đến Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

h) Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; chấp hành các quy định về sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phân bón

a) Tuân thủ các điều kiện về kinh doanh phân bón được quy định tại Điều 15 Nghị định này. Trong quá trình kinh doanh nếu không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này sẽ bị đình chỉ có thời hạn kinh doanh phân bón cho đến khi đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định;

b) Áp dụng các biện pháp kiểm soát chất lượng phân bón theo quy định nhằm duy trì chất lượng phân bón do mình kinh doanh;

c) Kiểm tra nguồn gốc phân bón, nhãn phân bón, dấu hợp chuẩn, hợp quy và các tài liệu liên quan đến chất lượng phân bón;

d) Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện các điều kiện về kinh doanh phân bón theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu phân bón

a) Tuân thủ các điều kiện về xuất khẩu, nhập khẩu phân bón quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định này;

b) Tuân thủ các quy định về chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

c) Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; chấp hành các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Sản xuất phân bón khi chưa được cấp Giấy phép sản xuất phân bón.

2. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón giả, phân bón đã bị cấm sử dụng.

3. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, trao đổi, tiếp thị phân bón không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc kinh doanh phân bón đã hết hạn sử dụng.